



## PHÁT HUY TINH THẦN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG TƯ TƯỞNG PHẬT GIÁO

Phạm Thế Kiên<sup>1\*</sup>, Nguyễn Xuân Thanh<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Đại học Huế, 3 Lê Lợi, tp. Huế, Việt Nam

<sup>2</sup> Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Tiền Giang

Tác giả liên hệ: **Phạm Thế Kiên** < ptkien@hueuni.edu.vn >

(Ngày nhận bài: 06-03-2022; Ngày chấp nhận đăng: 04-04-2022)

**Tóm tắt.** Dù khởi thủy từ cách đây hơn 25 thế kỉ, Phật giáo vẫn luôn là tôn giáo của mọi thời đại. Đặc biệt, trong bối cảnh khủng hoảng môi trường nghiêm trọng hiện nay, vai trò của Phật giáo càng quan trọng. Trong bài báo này, chúng tôi làm rõ sự ảnh hưởng của tư tưởng Phật giáo đến nhận thức nhân loại về tự nhiên và các giải pháp bảo vệ hệ sinh thái trong giáo lí Đạo Phật. Qua đó, chúng tôi nhận định rằng việc phát huy tinh thần bảo vệ môi trường của Phật giáo là con đường hữu hiệu, mang đến cho khoa học hiện đại những gợi mở và sự giúp đỡ trước cánh cửa khám phá “tương lai của Trái đất”.

**Từ khoá:** bảo vệ môi trường, sinh thái, Phật giáo, tự nhiên.

## PROMOTING THE ENVIRONMENTAL PROTECTION SPIRIT IN BUDDHIST THOUGHT

Pham The Kien<sup>1\*</sup>, Nguyen Xuan Thanh<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Hue University, 03 Le Loi, Hue City, Vietnam

<sup>2</sup>Buddhist Church of Tien Giang province Vietnam

\* Correspondence to **Pham The Kien** < ptkien@hueuni.edu.vn >

(Received: March 06, 2022; Accepted: April 04, 2022)

**Abstract.** Although it started more than 25 centuries ago, Buddhism has always been the religion of all times. Especially, in the current context of the serious environmental crisis, Buddhism plays a very important role. In this article, we clarify the influence of Buddhist thought on human perception of nature;

---

the ecosystem protection solutions in Buddhist teachings. Thereby, we affirm that promoting the environmental protection of Buddhist thought is an effective way, it provides modern science with suggestions and help when humanity stands at the door to discover “the future of the Earth”.

**Keywords:** environmental protection, ecology, Buddhism, nature

## 1. Đặt vấn đề

Vào năm 1972, Đại hội đồng Liên hiệp quốc đã chọn ngày 5 tháng 6 là Ngày Môi trường Thế giới (World Environment Day), nhằm kêu gọi và hưởng ứng tinh thần bảo vệ môi trường trên khắp địa cầu. Bồi thực trạng biến đổi khí hậu, xuất hiện lỗ thủng tầng ozon, sự giảm thiểu tính đa dạng sinh học, các thảm trạng động đất, sóng thần, rò rỉ dầu khí, dịch bệnh, thiên tai,... đã khiến cho đời sống nhân loại ngày càng trở nên bấp bênh, nguy hiểm. Sang thế kỉ XXI, vấn nạn môi trường sinh thái tăng lên mức báo động, đòi hỏi chúng ta phải thay đổi nhận thức, quan niệm về tự nhiên cũng như lối sống hiện nay. Nhiều ngành khoa học đã truy tìm nguy cơ sinh thái cũng như các biện pháp, cách thức rút ngắn “ngày tận thế”. Dù có những hướng đi khác nhau, nhưng đối tượng và chức năng của các ngành khoa học gần như xâm nhập, tương quan. Trong đó, những quan điểm của Phật giáo đã đem lại cho con người một cái nhìn mới, một lối sống đẹp, một thân tâm hài hoà, phúc hạnh hơn.

Thấy rõ sự uyên áo của Phật giáo, nhà bác học A. Einstein (1879 - 1955) đã nhấn mạnh: “Tôn giáo của tương lai sẽ là một tôn giáo toàn cầu, vượt lên trên mọi thần linh, giáo điều và thần học. Tôn giáo ấy phải bao quát cả phương diện tự nhiên lẫn siêu nhiên, đặt trên căn bản của ý thức đạo lý, phát xuất từ kinh nghiệm tổng thể gồm mọi lĩnh vực trên trong cái nhất thể đầy đủ ý nghĩa. Phật giáo sẽ đáp ứng được các điều kiện đó” [6]. Hướng đến tâm quan trọng của Phật giáo trong sự kết nối với các ngành khoa học, một lần nữa Einstein khẳng định thêm: “Nếu có một tôn giáo nào đương đầu với các nhu cầu của khoa học hiện đại thì đó là Phật giáo. Phật giáo không cần xét lại quan điểm của mình để cập nhật hóa với những khám phá mới của khoa học. Phật giáo không cần phải từ bỏ quan điểm của mình để xu hướng theo khoa học, vì Phật giáo bao hàm cả khoa học cũng như vượt qua khoa học” [6].

Không chỉ A. Einstein nhận thức được điều này, mà nhiều nhà nghiên cứu khác cũng đã thể hiện nguyện ý hướng đến giác ngộ giáo lí đạo Phật. Tiêu biểu có thể kể đến tác phẩm *Hành Trình Về Phương Đông* của Dr. Blair Thomas Spalding, đây được xem là “cuốn sách kinh điển của mọi thời đại”, viết về những trải nghiệm của đoàn chuyên gia Hội Khoa học Hoàng gia Anh. Trong quá trình rong ruổi khắp các đền chùa Ấn Độ, chứng kiến nhiều pháp thuật huyền diệu (và cả mê tín, cực đoan), họ đã có những hiểu biết sâu sắc về thiên định, luật nhân quả, nghiệp báo, cõi sống và cõi chết... Để rồi sau đó, các nhà khoa học Hoàng gia Anh rút ra kết luận: “Phương Đông có những chân lí quan trọng đáng để người phương Tây nghiên cứu, học

hỏi. Đã đến lúc người phương Tây phải quay về phương Đông để trở về với quê hương tinh thần” [5, tr.6-7].

Trên tinh thần kết nối những hiểu biết khoa học với triết lý Phật giáo, Nguyễn Phong - người từng là kỹ sư trưởng Tập đoàn Boeing của Mỹ, Viện trưởng Viện Công nghệ Sinh học Đại học Carnegie Mellon - đã phân tích minh triết Đạo Phật qua các tác phẩm: *Ngọc sáng trong hoa sen, Huyền thuật và các đạo sĩ Tây Tạng, Minh triết trong đời sống, Đường mây qua xứ tuyết, Dấu chân trên cát...* Hay Trịnh Xuân Thuận - nhà khoa học vật lý thiên văn người Mỹ gốc Việt cũng đã viết nhiều cuốn sách giá trị về vũ trụ học và về những hiểu biết của bản thân trong mối tương quan giữa khoa học và Phật giáo như: *Đôi mắt với vũ trụ, Vũ trụ và hoa sen, Hỗn độn và hài hoà...* Ông còn là một nhà văn, triết gia, Phật tử, nhà hoạt động vì môi trường và hoà bình.

Điểm qua những nhà khoa học với các công trình lỗi lạc trên, mới thấy, dù khoa học có tiến bộ đến đâu, và dù có khởi thủy từ cách đây hơn 25 thế kỉ, Phật giáo vẫn luôn là tôn giáo của mọi thời đại. Đặc biệt, trong bối cảnh khủng hoảng môi trường nghiêm trọng hiện nay, vai trò của Phật giáo càng quan trọng. Chính vì vậy, trong bài báo này, chúng tôi làm rõ sự ảnh hưởng của tư tưởng Phật giáo đến nhận thức nhân loại về tự nhiên và hệ sinh thái; để nhấn mạnh rằng, việc phát huy tinh thần bảo vệ môi trường của Phật giáo không chỉ là trách nhiệm của chúng sinh mà còn là con đường hữu hiệu, mang đến cho khoa học hiện đại những gợi mở và sự giúp đỡ trước cánh cửa khám phá “tương lai của Trái đất”.

## 2. Nội dung

### 2.1. Quan điểm của Phật giáo về môi trường sinh thái

“Sinh thái” là một khái niệm rộng, hiểu theo nghĩa đơn giản nhất là mối quan hệ giữa sinh vật và môi trường của chúng, trong đó có con người. Phật giáo không phải là lĩnh vực chủ đích về Sinh thái học, nhưng Phật giáo bao hàm tư tưởng Sinh thái học sâu sắc, mang tầm khái quát, triết thuyết. Phật giáo đưa ra những gợi dẫn để giải quyết nguy cơ sinh thái, đồng thời vấn đề sinh thái cũng tạo ra mối liên kết giữa Phật giáo với xã hội đương đại.

#### 2.1.1. “Duyên khởi luận” - nền tảng triết học của Sinh thái quan Phật giáo

Nội hàm thuật ngữ Duyên khởi chỉ ra: tất cả sự tồn tại trong thế giới đều do nhiều điều kiện mà hình thành, không tồn tại riêng lẻ. “Cái này có nên cái kia có, cái này sanh nên cái kia sanh... cái này không nên cái kia không, cái này diệt nên cái kia diệt” [1, tr.112]. Phật giáo nhận định thế giới là Duyên khởi. Sự tồn tại và huỷ diệt của thế giới là do sự hình thành và tan rã của các điều kiện. Tiến sâu bước nữa, Phật giáo phân tích sự cấu thành của các điều kiện, gồm Điều kiện chủ yếu và Điều kiện hỗ trợ. Đây chính là “Nhân Duyên”. “Nhân” chỉ cho nhân duyên nội tại trực tiếp sinh ra kết quả. “Duyên” chính là nguyên nhân gián tiếp tạo ra tác dụng hỗ trợ

thuộc ngoại tại. Tất cả sự vật đều do sự tụ tán mà có sự sinh diệt. Khi nhân duyên hội tụ đầy đủ, thì vạn pháp (sự vật, hiện tượng và cả con người hữu tình và vô tình) hiện hữu; khi nhân duyên không hội tụ hoặc hội tụ không đầy đủ thì chúng không hiện hữu. Từ điểm nhìn Duyên khởi này, con người có vô số mối quan hệ qua lại lẫn nhau, trong đó mối quan hệ giữa con người với con người; con người với thiên nhiên và con người với xã hội là 3 mối quan hệ tất yếu, chúng tác động vào nhau trong cấu trúc “thành trụ hoại không”.

Tư tưởng bảo vệ môi trường trong Phật giáo bắt nguồn từ sự giác ngộ về “Duyên khởi” của Đức Phật. Hiểu rõ vạn vật trên thế gian này đều được xây dựng trong mối quan hệ tồn tại phụ thuộc lẫn nhau, con người sẽ tránh những xung đột, tàn sát với tự nhiên và cũng là cách chúng ta tránh sự tổn hại cho chính mình. Nên thuở hồng hoang, nhân loại đã gọi tự nhiên bằng cái tên trìu mến “Mẹ thiên nhiên”, “Mẹ Trái đất”. Thiên nhiên bảo bọc, che chở, nuôi dưỡng con người; cho con người nguồn thức ăn, nơi cư trú và những bài học giá trị qua quá trình tiến hoá, phát triển.

Cách nhìn vũ trụ theo thuyết Duyên khởi có những điểm tương đồng trong hệ thống tư tưởng phương Đông, kết tinh từ quan niệm nguyên sơ “Thiên địa vạn vật nhất thể”, kết nối với tinh thần của Lão Tử trong *Đạo đức kinh*: “Đạo sinh Một, Một sinh Hai, Hai sinh Ba, Ba sinh vạn vật. Vạn vật công âm ôm dương, hai khí âm dương xung đột mà hài hoà” [3, tr.100]; hay mệnh đề của thiên *Hệ từ* trong *Kinh dịch*: “Thái cực sinh lưỡng nghi; lưỡng nghi sinh tứ tượng; tứ tượng sinh bát quái” [3, tr.33]. “Đạo” hay “Thái cực” đều chính là cái “Đại toàn thể”, cái “Đại hữu”, cái “Duyên khởi” làm điều kiện, làm cơ sở chung cho tất cả mọi vật. Đó là bản thể trường tồn của vũ trụ.

#### 2.1.2. “Y Chánh bất nhị” và “Tự Tha bất nhị” - quan điểm Luân lí học Môi trường của Phật giáo

Tư tưởng *Y Chánh bất nhị* trong Phật giáo được hiểu là sự hài hoà của con người và thiên nhiên là cách hưởng thụ chân chính của nhân sinh, sự tác động qua lại của con người với thiên nhiên là cảnh giới cao nhất của nhân sinh. Phật giáo coi nhân loại là “Chánh báo”, gọi thế giới mà chúng ta sinh tồn là “Y báo”. Chánh báo và Y báo liên hệ mật thiết với nhau. Nếu Y báo bị đổ nát thì Chánh báo cũng không thể tồn tại. Tất cả sự vật trong thế gian thuộc về nơi nương tựa của chúng sinh như đất đai, sông ngòi, nhà cửa, cơm áo,... là môi trường sống của chúng sinh, thuộc về quả báo do nghiệp lực chung của chúng sinh chiêu cảm ra. Chánh báo chỉ cho quả báo chánh thể thuộc thân tâm chúng sinh, căn cứ vào nghiệp lực đã tạo ra trong quá khứ mà chiêu cảm lấy. Thân tâm (Chánh báo) và môi trường sống (Y báo) của chúng sinh, tuy thuộc vào hai loại quả báo không đồng loại khác biệt, nhưng hai loại này không thể phân biệt rõ ràng, mà là “Y Chánh bất nhị” (Oneness of life and its environment).

“Tự Tha bất nhị” mang hàm nghĩa: Tâm, Phật và chúng sinh đều do một tâm niệm mà sinh khởi. Nói theo thuật ngữ hiện đại, “Tự Tha bất nhị” chính là nói đến sự sinh tồn của mỗi

chúng sinh. Tất cả sinh mệnh trong Tam giới lục đạo bao gồm Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, A-tu-la, Trời và Người đều phải nương tựa vào những chúng sinh khác, hay các chúng sinh cùng nương tựa nhau để tồn tại.

Xuất phát từ tư tưởng “Y Chánh bất nhị”, Phật giáo đề xuất ý niệm: “Loài vô tình có tính giác”. Xuất phát từ tư tưởng “Tự Tha bất nhị”, chúng sinh bình đẳng. Từ tư tưởng “Y Chánh bất nhị” và “Tự Tha bất nhị” có thể diễn giải như sau:

Xét từ nguyên lí Duyên khởi: theo cách nhìn của Phật giáo, Y báo và Chánh báo cùng là nhân duyên của nhau. Kinh Phạm Võng chép: “Tất cả đất, nước là tiền thân của ta, tất cả gió, lửa là bản thể của ta” [1, tr.203]. Tức là nói vạn vật trong thế giới đều đã từng làm thân thể của chúng sinh, thân tâm và môi trường sống của chúng sinh cùng nương tựa, tương tác qua lại. Vì thế mà tất cả chúng sinh đều bình đẳng.

Xét trên phương diện Tính lí Chân như (theo Đức Phật: Chân như là thể tính chân thực của thế giới hiện tượng): một mặt, Chân như trùm khắp tất cả hiện tượng, là lí thể bất biến phía sau hiện tượng. Mặt khác, tất cả hiện tượng đều không rời Chân như là do sự hiện khởi tùy duyên của Chân như. Mặc dù Y báo và Chánh báo hiện ra nhiều sai biệt, nhưng về mặt Lí thì chỉ có Chân như, đều do sự tùy duyên hiện khởi của Chân như, bởi vậy gọi là “Y chánh bất nhị”.

Xét từ học thuyết Vạn pháp duy tâm: Phật giáo nhận định vũ trụ vạn vật mà chúng sinh có thể kinh nghiệm được là hiện ra từ tâm thức của con người. Nếu Y báo và Chánh báo đều do tâm thức hiển hiện, thì Y báo và Chánh báo cũng chính là hai mà không phải hai. Và có thể hiểu rằng, “Y Chánh bất nhị” chính là “Loài vô tình có tính giác”; ngụ chỉ cỏ cây, đất đai, gạch đá... cũng có Phật tính, có thể thành Phật. Trong tác phẩm *Đại Thừa Huyền Luận*, Cát Tạng (549 - 6230) xác nhận: “Vì ‘Y Chánh bất nhị’, cho nên chúng sinh có Phật tính, thì cỏ cây cũng có Phật tính” [1, tr.208]. Từ góc độ này, tất cả chúng sinh đều có Phật tính, không có sai biệt.

### 2.1.3. Một số quan điểm cụ thể trong Sinh thái quan Phật giáo - sự gặp gỡ với tư tưởng sinh thái hiện đại

Quan điểm về thiên nhiên của Phật giáo cho rằng “loài vô tình có tính giác” (cũng có thể gọi là “Vạn vật hữu linh”) là tinh thần cơ bản của quan điểm về thiên nhiên của Phật giáo. Phật giáo đại thừa xem tất cả pháp là sự hiển thị của Phật tính, vạn pháp đều có Phật tính. Vạn pháp này không chỉ bao gồm loài vật hữu tình mà còn có cả thực vật, vật vô cơ. Một cọng cỏ, một thân cây trong đại tự nhiên đều là sự biểu lộ của Phật tính, đều có giá trị tồn tại của nó. Dựa trên nguyên lí này, việc yêu quý thiên nhiên chính là sứ mạng của Phật giáo. Tại đây, có thể thấy nhiều điểm tương đồng giữa Đại địa luân lí học (Land Ethics) - ngành quan trọng của Sinh thái học đương đại với học thuyết này. Theo Aldo Leopold (1886 - 1948) - người sáng lập Đại

địa luân lí học, Trái đất là một cơ thể. Tôn chỉ của ông là: “Đại địa luân lí thay đổi địa vị của nhân loại là từ người chinh phục Trái đất - xã hội chuyển thành một thành viên và công dân bình thường trong đó. Điều này có nghĩa là nhân loại phải tôn trọng các sinh vật bạn bè khác và dùng thái độ bạn bè tôn trọng xã hội, Đại địa” [1, tr.130].

Quan điểm về sinh mệnh của Phật giáo cho rằng sinh mệnh của Phật giáo là chúng sanh bình đẳng, mạng sống luân hồi, tôn trọng và yêu quý sinh mệnh. Trên nền tảng này, Phật giáo đưa ra vấn đề thực tiễn cho sinh mệnh chính là việc không giết hại chúng sinh. “Trong các tội, tội sát nặng nhất; trong các công đức, không sát đứng đầu” [1, tr.135]. Có hai lí do không sát sinh: Tâm từ bi và sự ngăn ngừa nghiệp ác sát sinh. Sau này, A. Schweitzer (1875 - 1965) đưa ra ý niệm “Kính sợ sinh mệnh”, cảnh báo con người không nên “tự tôn tự đại”. Quan điểm này có nhiều gợi mở cho các phong trào bảo vệ động vật, thiên nhiên ở thế kỉ XXI.

Trong khi đó, quan điểm về nghiệp báo được xem một trong những nền tảng tư tưởng thực tiễn về sinh thái học của Phật giáo. Nghiệp báo là sự báo ứng nghiệp, quả báo của nghiệp, chỉ cho hoạt động của chủ thể và kết quả nó chiêu cảm. Nói dân giã chính là “gieo nhân nào gặt quả nấy”. Hành vi của con người không chỉ ảnh hưởng đến bản thân mà còn ảnh hưởng đến môi trường. Vì vậy, con người cần quan tâm đến tác dụng của hành vi cá nhân đối với bản thân, và phải thấy được tác dụng của nó đối với môi trường xung quanh. Arne Naess (1912 - 2009) - người đề xuất Luân lí duy sinh thái (Ecocentric ethics) đã phát triển quan điểm này thông qua việc xây dựng một chương trình hành động mà dựa vào đó, con người có thể cư xử với tự nhiên một cách “có đạo đức”. Theo ông, “bản thân sự tồn tại của con người không mâu thuẫn gì với sự tồn tại của toàn bộ sinh giới, nguyên nhân của những mâu thuẫn nảy sinh giữa con người và môi trường thực ra là do con người quá chú ý đến lợi ích trước mắt nên thiếu ý thức về đạo đức môi trường” [7, tr.41-42]. Naess cũng là người đưa ra khái niệm Sinh thái học bề sâu (Deep ecology) vào năm 1973. Sinh thái học bề sâu lấy tư tưởng sinh thái học hiện đại làm cơ sở lí luận, đồng thời tiếp thu các tư tưởng tinh hoa của chủ nghĩa nhân văn, gồm tư tưởng của Cơ đốc giáo, Phật giáo, Đạo giáo, cũng như của các nhà triết học cận hiện đại phương Tây (Baruch de Spinoza, Martin Heidegger)... Tinh thần của sinh thái học bề sâu là phê phán sự tàn phá, xâm lấn của con người đối với tự nhiên trong xã hội công nghiệp hiện đại, hướng đến sự hoà hợp giữa con người và vạn vật xung quanh. Ngày nay, các nhà môi trường cũng lập luận rằng, cần xem việc bảo vệ sinh loài và tự nhiên như một cái “quyền” trong sự mở rộng của khái niệm về nhân quyền.

## 2.2. *Thực tiễn môi trường hiện nay - những sai lệch trong tư duy của nhân loại về vũ trụ*

### 2.2.1. *Những sai lệch trong tư duy của nhân loại về vũ trụ*

Trước khi phân tích thực tiễn môi trường, chúng tôi muốn làm rõ căn nguyên của những nguy cơ sinh thái đương đại. Có rất nhiều lí do để tường trình, tuy nhiên với giới hạn của bài

viết, chúng tôi tập trung phân tích những sai lệch trong tư duy của nhân loại bằng hai quan điểm: “Thuyết nhân loại trung tâm” và “Chủ nghĩa tiêu dùng”.

Giáo lí Phật pháp đã soi rọi cho con người hướng đến đời sống an lành, hoà thuận. Thế nhưng, khi tiếp thu những tư tưởng trên, một số bộ phận đã khó lòng thắng nổi dục vọng, vị kỉ. Chủ nghĩa nhân văn, phong trào Khai sáng và sự phát triển vượt bậc của khoa học kĩ thuật đã hỗ trợ đắc lực cho con người trong công cuộc khám phá, chinh phục tự nhiên, xác lập địa vị “thống trị” trong thế giới này. Từ đó, con người kiêu hãnh cho mình là trung tâm của thế giới, làm chủ Trái đất. “Thuyết nhân loại trung tâm (Anthropocentrism) bao gồm hệ thống các quan niệm về vị thế của con người đối với thế giới. Qua mỗi giai đoạn phát triển của lịch sử, hệ thống quan niệm này có sự khác nhau ở từng trường phái, từng nhà tư tưởng. Tuy nhiên, điểm chung của học thuyết chính là thái độ đề cao vai trò chi phối, quyết định của con người với xã hội, thế giới và vũ trụ. Đồng thời tuân theo nguyên tắc “hoạt động cải tạo không có giới hạn của con người” (Engles), thuyết nhân loại trung tâm khẳng định ý nghĩa đặc biệt của sự tồn tại người, và nhấn mạnh chính sự tồn tại của con người mới là hạt nhân, là tâm điểm, chứa đựng toàn bộ ý nghĩa của sự vận hành vũ trụ” [8, tr.72]. Người cổ súy mạnh mẽ cho tư tưởng này có lẽ phải nhắc đến Descartes (1596-1650). Đưa ra ý niệm đối lập với tinh thần của Phật giáo, Descartes xem vũ trụ như một hệ thống do những sự vật cá biệt ghép lại mà thành, hơn nữa “động vật chẳng có gì khác với cái máy” [dẫn theo 3, tr.85]. Về sau, Arne Kalland đã phản đối tư duy sai lệch này và nhấn mạnh: “một trong những nguồn gốc của mỗi quan tâm hiện tại cho tự nhiên ở thế giới phương Tây là sự phát triển nhận thức bên ngoài không tương xứng của cách đánh giá thế giới qua thuyết Descartes là thuyết phân tách vật thể ra khỏi chủ thể, ý nghĩa ra khỏi thể xác, văn hoá ra khỏi tự nhiên và khoa học văn hoá ra khỏi khoa học tự nhiên” [2, tr.469].

Cũng chính vì sự thắng thế của “chủ nghĩa nhân loại trung tâm” trong một thời gian dài, mà mối quan hệ giữa con người và tự nhiên càng dần nghiêng về phía đối đầu, tự nhiên trở thành đối tượng tiêu dùng cho con người. Chủ nghĩa tiêu dùng (Consumerism) là thuật ngữ được sử dụng vào những thập niên cuối thế kỉ XX bởi các nhà xã hội học với dụng ý diễn tả những ảnh hưởng của việc cân bằng hạnh phúc cá nhân với việc sở hữu/mua sắm tài sản một cách thiếu ý thức, hoang phí, mù quáng.

Với quan điểm “nhân loại trung tâm” và sự lên ngôi của “chủ nghĩa tiêu dùng”, con người đã tàn phá nghiêm trọng môi trường theo nhiều cách khác nhau: khai thác cạn kiệt nguồn tài nguyên, lãng phí hệ sinh thái, tích tụ chất thải số lượng lớn, ô nhiễm khói bụi và âm thanh... Liên hợp quốc từng tuyên bố, hiện tượng Trái đất nóng lên tương quan đến sự bành trướng của chủ nghĩa tiêu dùng và đó là hiểm họa đối với tương lai nhân loại.

### 2.2.2. Thực tiễn môi trường sinh thái hiện nay

Từ lâu, nhân loại cảm tưởng rằng tự nhiên - với quyền lực thanh lọc và điều tiết mạnh mẽ của mình - có thể nhanh chóng “hồi sức” sau những đợt tấn công, tàn phá của con người; và tài nguyên thiên nhiên là vô tận. Một thời gian, chúng ta từng hô vang khẩu hiệu “đất nước ta rừng vàng biển bạc”. Nhưng rồi không điều gì có thể tồn tại mãi mãi. Theo tinh thần Phật giáo, vạn vật “thành - trụ - hoại - diệt”, chuyển hoá, luân hồi trong dòng chảy vô thủy vô chung. “Vào thế kỉ XVI, người ta đã ước tính rằng cứ 100 năm, chúng ta lại mất đi một loài động vật; năm 1900, mỗi năm ta mất đi một loài, và đến ngày nay, người ta cho rằng ít ra là mỗi ngày chúng ta mất đi một loài” [10, tr.112]. Vì thế, nói đến thực tiễn môi trường sinh thái hiện nay, có rất nhiều vấn đề khẩn thiết.

*Thứ nhất, vấn đề phá rừng và thương mại hoá động vật hoang dã.* Rừng được xem như “lá phổi của Trái đất”. Đáng tiếc, “hơn nửa tổng số diện tích rừng nhiệt đới đã và đang phá huỷ. Nạn phá rừng với quy mô lớn bắt đầu từ những năm 60 - 70, vẫn còn tiếp diễn cho đến những năm đầu của thập kỉ 90, với nhịp độ từ 1% đến 2% mỗi năm” [10, tr.123]. Đi kèm với sự biến mất của những khu rừng nguyên sinh, một “dây chuyền sống” liên đới cũng bị ảnh hưởng. Đạo Phật đã chỉ ra, “cái này sinh thì cái kia sinh, cái này diệt thì cái kia diệt”. Nên nhiều sinh loài cư trú trong rừng đang bị đe dọa tính mạng. Nạn phá rừng không những huỷ hoại rừng mà còn giảm đi cường độ sinh học (bio-intensity) và tính đa dạng sinh học (biodiversity), có nghĩa là sinh vật giảm đi về tổng số và biến thể, lần lượt gây ra sự tàn phá trong toàn hệ sinh thái. Trong một nghiên cứu mới đây, các nhà khoa học phát hiện một loài cây gỗ lim ở đảo Maurice đã không sinh sản từ 300 năm nay. Trước đây, hạt của loài cây này đã nảy mầm được là nhờ loài Chim câu Dodo. Chúng nuốt hạt vào dạ dày, nằm trong đó, dịch vị dạ dày đã tác động để giúp cho hạt nảy mầm. Từ khi loài Dodo bị tiêu diệt thì cũng không còn gỗ lim nữa. Rõ ràng, nạn phá rừng và thương mại hoá động vật hoang dã đã dẫn tới hệ lụy tàn phá và giết hại các sinh vật xung quanh. Nó cũng đồng nghĩa với việc đe dọa sinh mạng loài người. Người ta vẫn thường nói, Phật giáo đi ra từ rừng. Xưa, Đức Phật đã ngồi dưới cây Bồ đề chốn rừng sâu để “tu dưỡng thân tâm”, “phát tâm cầu nguyện”, “đắc đạo chứng sinh”. Thiếu vắng rừng, thiếu vắng các loài động - thực vật, đạo đức nhân loại liệu có trọn vẹn?

*Thứ hai, vấn đề nhân giống cây/động vật chuyển gen và việc sử dụng các chất hoá học.* Việc trồng cây/cấy tạo sinh vật chuyển gen và sự ô nhiễm hoá học cũng gây hại nghiêm trọng đến hệ sinh thái. Nhân giống động/thực vật chuyển gen là việc thông qua sự tái tổ hợp các gen để tạo ra giống mới mang lại năng suất, lợi ích cho con người. Vì chúng có sự bảo vệ bên trong chống lại côn trùng độc hại, thời tiết lạnh hay khô, và những chất hoá học nông nghiệp cụ thể. Nhưng dần dần, nếu chúng ta xét kĩ hơn sẽ phát hiện những nhược điểm đáng sợ. Sự biến đổi cấu trúc ADN trong các giống loài đó, khi hấp thu vào cơ thể người sẽ dẫn đến những biến đổi trong chính cấu trúc ADN người. Theo nghiên cứu, khi cây chuyển gen đưa những gen xa lạ vào hệ



sinh thái thì chúng có khả năng tiêu diệt hoặc thay đổi nghiêm trọng cấu trúc của hệ sinh thái và cơ chế của sự phát triển. Bên cạnh đó, con người đã lạm dụng nhiều chất hoá học, thuốc trừ sâu, gây ra ô nhiễm hoá chất, bao gồm kim loại nặng, hoá chất nông nghiệp, gia vị thực phẩm, cũng như gây rối loạn nội tiết. Nhiều hiện tượng ngộ độc chất hoá học, suy giảm giống loài, xuất hiện các bệnh lạ trên cơ thể con người và động/thực vật. Rachel Carson đã từng thảng thốt trong tác phẩm *Mùa xuân thầm lặng* (*Silent Spring*): “khi con người tạo ra những thứ đi ngược với quy luật của tự nhiên, tự khắc con người sẽ gánh những hệ lụy đau lòng”.

*Thứ ba, vấn đề khai thác quá mức động vật được sử dụng cho nhu yếu phẩm và thí nghiệm gây mất cân bằng sinh thái.* Hơn 1/3 số giống loài trên Trái đất đang bị đe dọa vì khai thác quá mức. Để có những sản phẩm “thần dược” phục vụ nhu cầu, sở thích, ham muốn, đam mê cho mình, con người đã khai thác một cách bừa bãi giống loài. Ngà voi, sừng tê giác, sừng hải mã, da cá sấu, da chồn, mai rùa, lông chim... đều nằm trong danh mục hàng “quý hiếm”, săn lùng. Thế nên, loài tê giác đang trên bờ tuyệt chủng, cá voi xanh hiện chỉ còn lại khoảng dưới 500 con; và mới đây, chú cá heo Irrawaddy cuối cùng đã chết vào ngày 15/2/2022 do vướng vào lưới đánh cá trên sông Mê Kông, đánh dấu sự tuyệt chủng của loài cá heo nước ngọt tại Lào. Ngày nay, ngư nghiệp đã giết chết khoảng 100 đến 120 triệu tấn sinh vật biển mỗi năm. Chúng ta đã chứng kiến và đã biết rằng sinh vật biển không thể tái sinh sản đủ nhanh để bù đắp vào lượng tổn thất hàng năm đó. Vậy chúng ta cần làm gì?

*Thứ tư, nguy cơ về hạt nhân và những vụ ô nhiễm dầu trên biển, ô nhiễm nguồn nước, không khí, âm thanh, rác thải.* Hoàn toàn chính xác khi gọi đây là thời đại của những cuộc đua vũ trang và vũ khí hạt nhân. Vụ ném bom nguyên tử xuống hai thành phố Hiroshima và Nagasaki từ 77 năm qua vẫn còn là “nỗi ám ảnh kinh hoàng” với người dân Nhật Bản và hệ sinh thái nơi đây. Trong cơn cuồng vọng chiến tranh và bá chủ, con người đã quên đi tình thương mới là giá trị cao nhất của sự tồn tại. Vụ nổ lò phản ứng tại Tchernobyl (Liên Xô) năm 1986 đã khiến toàn bộ mầm sống quanh khu vực này bị thiêu huỷ. Theo Hội nghị Hải dương học liên quốc gia, vụ tràn dầu trên vịnh Mexico năm 1991 đã gây ra những hậu quả vĩnh viễn lên hệ sinh thái của san hô và cá. Cũng theo khảo sát, một nửa số dầu đã bay hơi, chỉ một phần nhỏ được thu lại, còn một phần khác dạt vào đất liền. Từ đó đến nay, thế giới đã xảy ra rất nhiều vụ rò rỉ hạt nhân cũng như có nhiều bất cập trong việc khai thác, chuyên chở những chất nguy hiểm. Bên cạnh đó, nhân loại còn đối mặt với rất nhiều vấn nạn liên quan đến ô nhiễm nguồn nước; ô nhiễm không khí, khói bụi từ các nhà máy, khu công nghiệp, xe cơ giới; ô nhiễm âm thanh - ánh sáng tại các thành phố, khu đô thị, các biển pa-no quảng cáo, truyền thông... Nó cho thấy mặt trái của khoa học - kĩ thuật - công nghệ. Càng hiện đại, tân tiến, con người càng dễ tách rời thiên nhiên và có nguy cơ hứng chịu nhiều thảm họa trong tương lai.

*Thứ năm, vấn đề quản lí - bảo vệ hệ sinh thái và các chính sách trong việc giải quyết vấn nạn đói nghèo và sức khoẻ cộng đồng.* Dễ nhận ra, luôn luôn có mối quan hệ mật thiết giữa cách thức quản lí tài nguyên thiên nhiên của xã hội và nhận thức về thiên nhiên. Vai trò của quản lí - bảo vệ hệ sinh thái có ý nghĩa rất thiết thực trong việc giảm thiểu những áp lực con người gây ra với tự nhiên. Đặc biệt, chúng ta cần những biện pháp ngăn chặn khai thác ô ạt rừng, xử phạt nghiêm những đối tượng săn bắt các động vật hoang dã, loài cây quý hiếm. Đến việc khai thác các nguồn tự nhiên cũng cần có chiến lược, khoa học. “Ngay từ thời Trung cổ, ở Châu Âu, các ngư dân đã nhận ra rằng quăng lưới có thể gây tổn hại đến quần thể cá nếu họ đánh bắt quá nhiều, do đó, họ đã nói rộng kích thước mắt lưới để giúp những chú cá nhỏ nhất có thể thoát ra được. (...) Từ đó, rất nhiều quy định về ngư cụ đã được đặt ra đối với loại tàu đánh cá có sức phá hoại lớn” [4, tr.145]. Đi từ khâu quản lí đến đề xuất các chính sách hỗ trợ người dân cũng là một vấn đề cấp bách. Bởi vì, theo khảo sát, những quốc gia chậm phát triển, nghèo nàn lại là những nước tàn phá môi trường lớn nhất. Nghiên cứu trong *Tri thức bản địa về môi trường và những biến đổi - Các quan điểm nhân học phê phán* đã giải thích “sự đói nghèo và ngu dốt” là nguyên nhân biến mất những khu rừng Kalasha [dẫn theo 2, tr.402]. Hệ quả trực tiếp của tốc độ phát triển công nghiệp và đô thị hóa quá nhanh, bất chấp lối sống thân thiện với môi trường tự nhiên chính là sự đói nghèo, suy dinh dưỡng, đe dọa sức khỏe cộng đồng và cuộc sống của con người, nhất là vùng miền núi, nông thôn. Trước những vấn nạn trên, vấn đề đặt ra đối với “bảo vệ môi trường” không chỉ là chống ô nhiễm đất đai, nguồn nước, sinh vật, giống loài; mà chúng ta cần thực hiện hàng loạt giải pháp đồng bộ như: ổn định dân số, tiết kiệm nguồn nguyên liệu, tăng hiệu năng sử dụng năng lượng, ổn định hệ sinh thái và xử lí tốt ô nhiễm môi trường. Tuy nhiên, ô nhiễm môi trường chủ yếu do việc làm thiếu hiểu biết và lòng tham muốn chiếm dụng khai thác tài nguyên bất chấp quy luật tự nhiên. Do đó, con người cũng cần đặc biệt xây dựng và giáo dục phổ cập ý thức bảo vệ môi sinh, môi trường. Đây là trách nhiệm của chính phủ, nhà nước, các nhà quản lí.

### 2.3. *Những giải pháp bảo vệ môi trường theo tinh thần Phật giáo*

#### 2.3.1. *Khắc phục dục vọng và tính tham lam*

Trong Phật pháp, tham - sân - si là ba loại độc làm hại sức khoẻ tâm linh của chúng ta. Nếu xét trên phương diện người tu hành thì dục vọng quá nhiều có thể làm trở ngại sự giải thoát của bản thân. Như thế, nếu xét trên phương diện vận mệnh nhân loại, dục vọng quá nhiều sẽ tạo ra tai hoạ mang tính huỷ diệt. Vì dục vọng con người không có giới hạn, mặt khác nhân khẩu trên Trái đất lại không ngừng tăng. Trong khi tương ứng với dục vọng tăng trưởng là nguồn dự trữ tài nguyên thiên nhiên ngày càng cạn kiệt, môi trường sinh thái mất đi sự cân bằng. Trái đất là quê hương duy nhất mà nhân loại có thể nương tựa để sinh tồn. Nên nếu không tiết chế dục vọng, chúng ta sẽ rơi vào kết cục “tự huỷ diệt” chính mình.

Vậy làm sao có thể kìm hãm, chế ngự dục vọng? Đức Phật đã dạy rằng: “Nếu người muốn thoát khỏi những khổ não thì phải quan sát sự tri túc. Pháp tri túc là pháp giàu có và bình an. Người tri túc tuy nằm trên đất cũng cảm thấy an lạc. Người không tri túc thì cho dù ở thiên đường cũng không vừa ý. Người không tri túc tuy giàu mà nghèo. Người tri túc tuy nghèo mà giàu. Người không tri túc thường bị ngũ dục lôi kéo, đối với người tri túc thì đó là điều đáng thương xót” [1, tr.16]. “Tri túc” chính là phải hiểu và trân quý tất cả những gì mình vốn có. Nghìn năm trước, chúng ta quen với sự dung dưỡng, ban tặng của tự nhiên như một kho báu vô tận. Nhưng sau khi hiểu Trái đất chỉ là một “địa cầu bé nhỏ” giữa hằng hà vũ trụ mênh mông, con người mới nhận thức sự hữu hạn của vạn vật trên thế gian. Song, sự phá hoại thiên nhiên hầu như khó có cách nào khống chế được vì không phải ai cũng có thể biết và hiểu về “tri túc”. Ngoài ra, tư tưởng và trí tuệ của sự cộng sinh giữa con người và thiên nhiên như: sự hài hoà, tính bình đẳng, công bình... đã bị mất đi do thành thị hoá và sự thâm nhập của khoa học kỹ thuật trên phạm vi toàn cầu. Nhân loại tưởng rằng, việc duy trì nền văn minh có ý nghĩa quan trọng hơn là sự mất đi các nguồn tài nguyên. Hiện tại, văn minh vật chất phát triển đến đỉnh điểm thì hiện thực hiển lộ: sự chênh lệch giàu - nghèo; xuất hiện nhiều bất ổn trong xã hội vì tranh giành nguồn tài nguyên dẫn đến chiến tranh; các tệ nạn trong đời sống tạo nên ma lực cám dỗ những tội lỗi. Vậy nên, có thể thấy trọng tâm của vấn đề không phải cuộc sống vật chất đạt đến trình độ như thế nào, mà chính là tâm hồn con người cảm giác ra sao. Phật giáo chỉ dẫn điều này như sau: “Tâm linh là lực lượng trọng yếu dẫn dắt hành vi con người. Tâm thanh tịnh thì quốc độ thanh tịnh, tâm ô nhiễm thì quốc độ ô nhiễm. Bất luận khi nào tham - sân - si của nhân loại còn tồn tại thì việc khai thác bừa bãi nguồn năng lượng sẽ không dừng lại. Sự phá hoại tùy tiện môi trường sinh thái cũng sẽ không dừng lại. Nếu chúng ta muốn có một thế giới sạch sẽ và an định, trước tiên chúng ta phải làm thanh tịnh tâm linh chúng ta, khắc phục tham - sân - si trong tâm chúng ta. Chỉ có như vậy, xã hội loài người mới có được tương lai tươi sáng” [1, tr.17-18].

### 2.3.2. Thay đổi quan niệm về hạnh phúc và xây dựng lối sống tối giản

Trong tư duy của rất nhiều người, khi có đầy đủ vật chất sẽ có cuộc sống thư thả, hạnh phúc. Thực tế không phải như vậy! Vẫn có những người dư thừa của cải lại cảm thấy bất an, ấy là bởi thân tâm chưa được thanh thản. Câu chuyện về người đàn ông nghèo từng ước mình đụng vào bất kì thứ gì đều biến thành vàng gọi cho chúng ta bài học sâu sắc. Niềm vui mừng tột cùng vì điều ước đã trở thành hiện thực chưa nguôi, anh ta nhận ra những người thân yêu quanh mình cũng đều hoá vàng, ngay cả đồ ăn, nước uống. Kết quả, anh ta chết dần trong sự đói khát và nỗi cô đơn. Cho nên, của cải không phải là mục tiêu duy nhất của cuộc sống, càng không phải là sự bảo chứng duy nhất của hạnh phúc. Phật giáo hướng con người thay đổi quan niệm về hạnh phúc. Hạnh phúc là do sự hòa hợp nội tâm với môi trường sống qua thái độ ứng xử thiện chí của con người. Hạnh phúc chính là sự tu tập chuyển hóa phiền não trước và kiến

trước để tâm thức trở nên thanh tịnh, con người sống với nền văn minh hiện đại mà không làm tổn thương môi trường sinh thái. Nói theo ngôn ngữ của Phật hoàng Trần Nhân Tông: Minh ngôi thành thị, nét dựng sơn lâm; Muôn nghiệp lặng, An nhàn thể tính, Tự tại thân tâm (Cư Trần lạc đạo phú).

Phật giáo chủ trương thay đổi trong quan niệm về hạnh phúc là sự thay đổi thông qua sự phổ cập tư tưởng và giáo dục Phật giáo. Có nghĩa là, không phải thay đổi đột ngột mà cần thay đổi dần dần. Cũng như Thiền nào trước và Kiến trước trong Phật giáo là sự ô nhiễm trong thời đại Kiếp trước. Từ đó, chúng ta cũng hiểu được phần nào nguyên nhân căn bản về sự diệt vong của văn minh. Thông qua sự thay đổi về Kiến trước và Thiền nào trước, chúng ta phải thay đổi văn minh hiện tại hướng đến nền văn minh suy nghiệm trong rừng núi làm nền tảng.

Phật giáo chủ trương xây dựng lối sống tối giản, đúng với tinh thần “càng đơn giản càng hạnh phúc”. Phật giáo tin rằng, một khi con người nhận ra cuộc sống là vô ngã, vô thường, nó sẽ giúp chúng ta thay đổi mục đích, lối sống và chuẩn mực đạo đức. Thay vì theo đuổi lối sống vị kỉ, tôn thờ “chủ nghĩa tiêu dùng”, mỗi nhân sinh nên tự nguyện sống quên mình, cống hiến vì cộng đồng. Trong cách sống này, tất cả các nguyên tắc và chuẩn mực đạo đức không phù hợp sẽ bị lên án, thay thế bằng các nguyên tắc đạo đức mới - đạo đức của lối sống cộng đồng phát triển bền vững. Lối sống giản dị, tiết kiệm, cân bằng, “thiểu dục tri túc” của Phật tử sẽ góp phần làm giảm sức ép vào môi trường và hệ sinh thái tự nhiên.

### 2.3.3. Hướng đến mối quan hệ hài hoà giữa con người với tự nhiên

Ki nguyên công nghiệp và cơ giới hoá đã nảy sinh ảo tưởng về địa vị thống trị của con người, vạn vật chẳng qua là sản phẩm tiêu dùng của nhân loại, thiên nhiên là nhà cung cấp tư liệu sản xuất, tài nguyên bất tận. Nhưng dù nhân loại đã có những hiểu biết về vũ trụ ngày càng nhiều, thì ít nhất cho đến hiện tại, con người vẫn chưa thể tìm ra được hành tinh nào thích hợp cho sự cư trú của chính mình hơn là Trái đất. Cho nên, Trái đất là quê hương duy nhất mà chúng ta có thể sinh tồn, phát triển. Khi nhà cửa bị hư hại, con người có thể xây dựng cái mới. Khi thành phố bị vùi lấp, chúng ta có thể di dời đi nơi khác. Nhưng khi địa cầu bị huỷ diệt, nhân loại sẽ đi về đâu để nương tựa? Việc đối chọi, đương đầu với thiên nhiên liệu có mang lại kết quả tốt đẹp nào không? Phật giáo cho rằng, Ngã chấp là nguồn gốc của tất cả phiền não của nhân loại. Chính vì Ngã chấp mà con người coi tất cả đều thuộc quyền sở hữu, chiếm đoạt. Nhận thức sai lầm này gây ra sự mâu thuẫn, xung đột với tự nhiên. Chỉ khi chúng ta nhận thức chính xác mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên, tôn trọng quy luật phát triển của tự nhiên thì chúng ta mới có thể cùng chung sống hoà bình với vạn vật.

Phật giáo chủ trương xây dựng tâm yêu thương đến muôn loài. Hành động “không sát sinh” mà Phật giáo đề xuất là căn cứ vào sự từ bi với mọi loài hữu tình, xác lập “quyền chúng sinh”. “Ăn chay” trong Phật giáo cũng là để bảo vệ môi trường, tiết chế dục vọng. Nếu chúng ta

dùng tâm từ bi đến thế giới, thì không chỉ ngăn chặn được hành vi sát sinh, mà còn tích cực phóng sinh, hộ sinh. Vì thế, Từ Bi của Phật giáo là sự thăng hoa của tâm yêu thương, là phương pháp bảo vệ thiên nhiên hữu hiệu nhất.

Phật giáo còn thể hiện tinh thần bảo vệ môi trường qua việc kiến tạo những không gian xanh, thanh tịnh ở nơi thờ tự. Chính cảnh quan “hữu tình”, hoà hợp thiên nhiên đã tạo “ấn tượng” đặc biệt cho chúng sinh khi đến chốn văn hóa tâm linh, góp phần tích cực gắn kết con người với môi trường tự nhiên, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường.

#### *2.3.4. Xây dựng các phong trào môi trường: gắn kết tư tưởng Phật giáo với các chính sách của Đảng và Nhà nước*

Trong nỗ lực bảo vệ Trái đất, Phật giáo đã thúc đẩy các phong trào môi trường, đồng thời kết nối với các chính sách của Đảng và Nhà nước. Những năm gần đây, Giáo hội Phật giáo Việt Nam luôn đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục Phật tử nhận thức mối liên hệ mật thiết giữa con người với thế giới tự nhiên qua giáo lý duyên khởi và vô ngã, từ đó xây dựng niềm tin về một đạo đức ứng xử hài hoà với tự nhiên, nhằm tiến tới một thế giới an bình, tốt đẹp. Trên hành trình đi khắp nơi diễn thuyết và trò chuyện, thiền sư Thích Nhất Hạnh là người luôn vận động tích cực cho phong trào hòa bình và tư tưởng sinh thái học bề sâu, thúc đẩy những giải pháp không bạo lực cho các mâu thuẫn và nâng cao nhận thức về sự liên kết của tất cả các yếu tố trong tự nhiên. Thiền sư từng dạy: “Phật giáo là hình thái mạnh mẽ nhất của chủ nghĩa nhân đạo mà chúng ta có. Nó có thể giúp chúng ta học cách sống với trách nhiệm, từ bi, và bác ái. Mỗi học viên Phật tử nên là người bảo vệ môi trường. Chúng ta có quyền quyết định vận mệnh của hành tinh mình. Nếu chúng ta thức tỉnh với hoàn cảnh thực tế, sẽ có một sự thay đổi trong ý thức cộng đồng. Chúng ta phải làm gì đó để đánh thức mọi người” [9, tr.30].

Hòa thượng Thích Phổ Tuệ - Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam nhân ngày Phật đản năm 2011 cũng đã gửi đi thông điệp về vấn nạn môi trường đến phật tử. Tiếp nối lời kêu gọi của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, các phật tử xây dựng phong trào “trồng cây phúc đức”, “trồng cây trí đức” hằng năm vào các dịp lễ hội Phật giáo, tết Nguyên đán, thay cho tục lệ “hái lộc”, “bẻ lộc”; kêu gọi xây dựng lối sống thân thiện với môi trường ngay trong cộng đồng dân cư.

Với điều kiện hiện nay ở Việt Nam, tinh thần Sinh thái học của Phật giáo phù hợp với những chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề bảo vệ môi trường, đảm bảo phát triển bền vững. Bởi nguồn gốc của “khủng hoảng sinh thái” hiện nay thực chất là khủng hoảng “văn hóa và tâm linh” phát sinh từ tham - sân - si của con người. Cách tiết chế tham - sân - si chính là Bi, Trí, Dũng mà Đức Phật đã răn dạy. Tuy nhiên, để chúng sinh giác ngộ được chân lý này, Phật giáo cần có những phương pháp giáo dục, rèn luyện đúng đắn, giúp phật tử nói riêng, nhân

sinh nói chung biết cách tu dưỡng, điều chỉnh hành vi đối với môi trường theo hướng tích cực. Đồng thời, quá trình tu dưỡng, giáo dục môi trường trong Phật giáo cũng cần phải có sự kết hợp giữa các giải pháp khoa học kỹ thuật và giải pháp quản lý của nhà nước. Như vậy, chúng ta mới có thể nâng cao hiệu quả bảo vệ môi trường.

### 3. Kết luận

Bất kì tôn giáo nào cũng đều hướng con người đến điều thiện, tránh xa điều ác. Tuy nhiên, Phật giáo khác với những tôn giáo khác ở việc tự tu tập trong mỗi cá nhân. Khổ đau hay hạnh phúc là do từng người trau dồi, rèn luyện, cộng với sự chi phối của nhân quả do chính mình tạo ra. Phật giáo không thừa nhận có một Thượng Đế sáng tạo, ngự trị và chi phối đời sống của con người. Điều nổi bật trong giáo lý đạo Phật là tất cả chúng sinh đều có Phật tính, và đều có khả năng thành Phật. Đây là quan điểm bình đẳng vĩ đại, khó có thể tìm thấy ở những tôn giáo Thần quyền khác. Hiểu rõ điều này, chúng ta cần phát huy tinh thần, tư tưởng của Phật giáo để nâng cao ý thức bảo vệ môi trường. Một giải pháp của tôn giáo cho một vấn đề xã hội có thể sẽ khó được chú ý đến, nhưng giáo dục tín đồ sống có đạo đức là trách nhiệm tiên quyết của tôn giáo. Xã hội sẽ dần chuyển hoá tốt đẹp khi tâm thức của nhân loại thay đổi theo hướng thiện lành.

Với tư cách là một tôn giáo truyền thống của người Việt Nam, Phật giáo đã đóng vai trò tích cực trong việc hình thành và bồi dưỡng ý thức bảo vệ môi trường cho con người hiện nay bằng nhiều phương cách, không chỉ coi trọng rèn giũa tâm hồn bên trong mà còn chú ý sự cân bằng sinh thái bên ngoài. Đi từ thuyết Duyên khởi, đến “Y Chánh bất nhị”, “Tự Tha bất nhị”, Phật giáo đã giải quyết tận gốc cuộc khủng hoảng môi trường, tịnh hoá tam độc tham - sân - si cho chúng sinh. Hầu hết các nhà khoa học thừa nhận rằng vẫn còn chưa muộn để giải cứu Trái đất - giải cứu tương lai loài người. Đó là lí do tại sao chúng ta trở thành một thế hệ đặc biệt của thế kỉ XXI - một thế hệ phải đối mặt với nhiều trách nhiệm và cơ hội hơn bất kì thế hệ nào trong lịch sử. Nên chúng ta không thể chấp nhận sống thụ động, càng không thể thờ ơ với việc tìm hiểu về những gì đang diễn ra trên hành tinh này. Trước những thách thức về vấn nạn sinh thái, nhân loại có rất nhiều việc cần phải làm. Trong đó, Phật giáo với nền tảng tư tưởng giáo lý Duyên khởi chính là ánh sáng soi đường dẫn lối cho con người thông suốt về tư tưởng, hành động đúng đắn vì mục đích hạnh phúc tối hậu của con người.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thích Nhuận Đạt (dịch), (2010), *Đạo Phật và Môi trường*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Roy Elly, Peter Parkes, Alan Bicker (biên tập), (2010), *Tri thức bản địa về môi trường và những biến đổi - Các quan điểm nhân học phê phán*, NXB Thế giới, Hà Nội.
3. Cao Xuân Huy (1994), *Tư tưởng phương Đông - Gợi những điểm nhìn tham chiếu*, NXB Văn học, Hà Nội.
4. Mark Kurlansky (2016), *Khi loài cá biến mất*, Lê Nhật Thăng dịch, NXB Thế giới, Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Baird T. Spalding (2017), *Hành trình về phương đông*, Nguyễn Phong chuyển thể và phóng tác, NXB Thế giới, Thành phố Hồ Chí Minh.
6. Thích Nguyên Tạng (2017), *Nhà khoa học Albert Einstein và đạo Phật*, nguồn <http://vietrigpaunesco.org/2017/01/20/nha-khoa-hoc-albert-einstein-va-dao-phat/>, cập nhật ngày 20/1/2017.
7. Nguyễn Thị Tịnh Thy (2017), *Rừng khô, suối cạn, biển độc... và văn chương - Phê bình sinh thái*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
8. Nguyễn Thuỳ Trang (2017), “Sự lật đổ quan niệm “Nhân loại trung tâm” trong tiểu thuyết Việt Nam đương đại”, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, Tập 14 (số 4b), tr.72-80.
9. Llewellyn Vaughan - Lee (edited) (2013), *Spiritual Ecology: the Cry of the Earth*, The Golden Sufi Center Publish, California.
10. Jacques Vernier (2002), *Môi trường sinh thái*, Trương Thị Chí, Trần Chí Đạo dịch, NXB Thế giới, Hà Nội.